

Số: ...09...../QĐ-ĐHSPKTNĐ

Nam Định, ngày 11 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
Đại học sư phạm khóa 6, Đại học liên thông khóa 7,
Đại học liên thông khóa 8 và sinh viên chậm tiến độ khóa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-LĐTBXH ngày 01/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 08/01/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp ngày 08/01/2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp về việc xét tốt nghiệp cho sinh viên Đại học sư phạm khóa 6, Đại học liên thông khóa 7, Đại học liên thông khóa 8 và sinh viên chậm tiến độ khóa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 64 sinh viên, cụ thể:

- | | |
|---------------------------------------|-------|
| 1. Đại học sư phạm khóa 6: | 53 SV |
| 2. Đại học liên thông khóa 7, khóa 8: | 06 SV |
| 3. Sinh viên chậm tiến độ khóa học: | 05 SV |

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 11 sinh viên chậm tiến độ khóa học (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Chưa công nhận tốt nghiệp đối với 06 sinh viên, cụ thể:

- | | |
|-------------------------------|-------|
| 1. Đại học sư phạm khóa 6: | 05 SV |
| 2. Đại học liên thông khóa 7: | 01 SV |

(có danh sách kèm theo).

Điều 4. Buộc thôi học sinh viên Phạm Hải Đăng, sinh ngày 12/02/1991, MSSV: 0941010011, lớp ĐK-TIN 5 vì vượt quá thời gian tối đa được phép học.

Điều 5. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác HS-SV, Trưởng phòng KT&ĐBCL, Trưởng phòng Kế toán-Tài chính, Trưởng khoa Điện-Điện tử, Trưởng khoa Cơ khí, Trưởng khoa Công nghệ thông tin, Trưởng khoa Kinh tế và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ~~th~~

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT, ĐT (5 bộ).



TS. Trần Văn Khiêm

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHÓA 6

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 09.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 11...tháng 01...năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	1171010003	Ngô Thị Lan	05/08/1993	Nữ	Hà Nam	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	3,42	0,00	Không	Giỏi
2	1171010002	Đồng Văn Lâm	09/07/1993	Nam	Nam Định	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	2,64		Không	Khá
3	1171010004	Đặng Xuân Ngọc	01/09/1993	Nam	Nam Định	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	3,19		Không	Khá
4	1171010005	Trần Xuân Ngọc	18/02/1993	Nam	Nam Định	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	3,10		Không	Khá
5	1171010006	Trương Đức Phong	26/06/1993	Nam	Nam Định	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	2,55		Không	Khá
6	1171010007	Nguyễn Thị Phụng	17/09/1993	Nữ	Thái Bình	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	3,36	0,00	Không	Giỏi
7	1171010009	Vũ Thị Thuồng	10/03/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	3,01		Không	Khá
8	1171010010	Mai Thị Hoa Trà	27/12/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	3,09		Không	Khá
9	1171010012	Bùi Thị Trang	28/01/1993	Nữ	Thái Bình	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	3,30	0,00	Không	Giỏi
10	1171010011	Dương Huyền Trang	15/09/1993	Nữ	Hà Nam	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	3,10		Không	Khá
11	1171010013	Phạm Thị Tuyết	23/07/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-CNTT 6	2011	Công nghệ thông tin	146	146	2,93		Không	Khá
12	1171030004	Trần Thị Hồng	14/03/1993	Nữ	Thái Bình	ĐS-ĐĐT 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	3,24	0,00	Không	Giỏi



(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
13	1171020002	Hà Văn	Thông	01/01/1993	Nam	Ninh Bình	ĐS-ĐĐT 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	146	146	2,90		Không	Khá
14	1071020014	Nguyễn Tất	Tú ✓	13/02/1992	Nam	Nam Định	ĐS-ĐĐT 6	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	146	146	2,82		Không	Khá
15	1171030002	Nguyễn Ngọc	Anh	12/10/1993	Nam	Hà Nam	ĐS-KTĐ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	146	146	2,57		Không	Khá
16	1171030001	Trần Ngọc	Anh	11/04/1993	Nam	Nam Định	ĐS-KTĐ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	146	146	2,56		Không	Khá
17	1171030003	Khiếu Đình	Dương	21/10/1993	Nam	Nam Định	ĐS-KTĐ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	146	146	2,54		Không	Khá
18	1171030005	Trương Tuấn	Mạnh	05/02/1993	Nam	Hà Nội	ĐS-KTĐ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	146	146	2,52		Không	Khá
19	1171030006	Đào Văn	Phúc	20/11/1993	Nam	Thái Bình	ĐS-KTĐ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	146	146	2,53		Không	Khá
20	1171010008	Trần Lê Nhật	Quang	16/10/1993	Nam	Nam Định	ĐS-KTĐ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	146	146	2,39		Không	Trung bình
21	1171030007	Nguyễn Xuân	Quyết	20/06/1993	Nam	Nam Định	ĐS-KTĐ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	146	146	2,55		Không	Khá
22	1171040001	Trần Văn	Bình	12/07/1993	Nam	Nam Định	ĐS-ĐKTĐ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	2,71		Không	Khá
23	1171050001	Phạm Hữu	Ái	11/08/1993	Nam	Nam Định	ĐS-CTM 6	2011	Công nghệ chế tạo máy	146	146	2,92		Không	Khá
24	1171070001	Đinh Văn	Nghiêm	07/12/1993	Nam	Nam Định	ĐS-ÔTÔ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,88		Không	Khá
25	1171070002	Đoàn Văn	Tuyển	24/01/1993	Nam	Nam Định	ĐS-ÔTÔ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,74		Không	Khá
26	1171070003	Đinh Tuấn	Vũ	27/02/1993	Nam	Hà Nam	ĐS-ÔTÔ 6	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	3,22	0,00	Không	Giỏi
27	1171060001	Nguyễn Ngọc	Thăng	04/12/1993	Nam	Nam Định	ĐS-CK 6	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (<i>Công nghệ hàn</i>)	146	146	3,12		Không	Khá
28	1171060002	Phan Đức	Trung	30/11/1993	Nam	Nam Định	ĐS-CK 6	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (<i>Công nghệ hàn</i>)	146	146	3,11		Không	Khá
29	1171090002	Trần Thị Ngọc	Anh	24/09/1993	Nữ	Ninh Bình	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,69	0,00	Không	Xuất sắc
30	1171090001	Vũ Thị Vân	Anh	16/04/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	2,99		Không	Khá
31	1171090005	Trần Thị	Duyên	16/07/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,04		Không	Khá
32	1171090004	Vũ Thị	Duyên	03/02/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,47	0,00	Không	Giỏi
33	1171090007	Nguyễn Hương	Giang	16/03/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	2,69		Không	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
34	1171090006	Trịnh Thị Giang	10/03/1993	Nữ	Hà Nam	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,16		Không	Khá
35	1171090008	Nguyễn Thị Thanh Hà	10/12/1993	Nữ	Hà Nam	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,55	0,00	Không	Giỏi
36	1171090009	Trần Thị Mỹ Hạnh	30/04/1993	Nữ	Hà Nam	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	2,88		Không	Khá
37	1171090010	Nguyễn Thị Hoàn	16/10/1993	Nữ	Ninh Bình	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,66	0,00	Không	Xuất sắc
38	1171090011	Trần Thị Huyền	16/10/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,51	0,00	Không	Giỏi
39	1171090012	Vũ Thị Lệ	10/06/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	2,58		Không	Khá
40	1171090013	Trần Thị Tâm	28/11/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,42	0,00	Không	Giỏi
41	1171090014	Lương Thị Thanh Thảo	01/01/1993	Nữ	Hà Nam	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,62	0,00	Không	Xuất sắc
42	1171090016	Nguyễn Thị Thu	23/11/1993	Nữ	Hưng Yên	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,52	0,00	Không	Giỏi
43	1171090017	Nguyễn Thị Thu	31/07/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,47	0,00	Không	Giỏi
44	1171090018	Tổng Thị Thuý	06/11/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,11		Không	Khá
45	1171090019	Hoàng Thu Thủy	07/05/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,12		Không	Khá
46	1171090020	Trương Thị Thu Thủy	24/11/1993	Nữ	Hà Nam	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	2,68		Không	Khá
47	1171090025	Bùi Huyền Trang	14/08/1993	Nữ	Ninh Bình	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,50	0,00	Không	Giỏi
48	1171090022	Vũ Thị Trang	02/08/1992	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,34	0,00	Không	Giỏi
49	1171090027	Trần Thị Bạch Tuyết	26/01/1993	Nữ	Thái Bình	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,23	0,00	Không	Giỏi
50	1171090026	Lê Thị Tươi	20/09/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	2,66		Không	Khá
51	1171090028	Cao Thị Vân	16/04/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	146	3,47	0,00	Không	Giỏi
52	1171100001	Khuong Văn Điệp	01/01/1993	Nam	Nam Định	ĐS-QTKD 6	2011	Quản trị kinh doanh	146	146	2,69		Không	Khá
53	1171100003	Nguyễn Thị Lụa	29/10/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-QTKD 6	2011	Quản trị kinh doanh	146	146	3,21	1,37	Không	Giỏi

Ấn định danh sách 53 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG KHÓA 7, KHÓA 8

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 09.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 11 tháng 04 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	141410010	Trương Quốc Hưng	07/07/1992	Nam	Nam Định	ĐHLT-CNTT 8A	2013	Công nghệ thông tin	121	121	2,20		Không	Trung bình
2	141410023	Vũ Thị Diệu Liên	06/01/1992	Nữ	Nam Định	ĐHLT-CNTT 8A	2013	Công nghệ thông tin	121	121	2,56		Không	Khá
3	141410025	Phạm Thị Loan	19/11/1993	Nữ	Thái Bình	ĐHLT-CNTT 8A	2013	Công nghệ thông tin	121	121	2,92		Không	Khá
4	141410024	Vũ Thị Loan	20/01/1993	Nữ	Ninh Bình	ĐHLT-CNTT 8A	2013	Công nghệ thông tin	121	121	2,76		Không	Khá
5	141410003	Phạm Thị Tuyền	21/02/1993	Nữ	Nam Định	ĐHLT-CNTT 8A	2013	Công nghệ thông tin	121	121	3,36	0,00	Không	Giỏi
6	131410014	Nguyễn Văn Hùng	14/10/1990	Nam	Nam Định	ĐHLT-CNTT 7	2013	Công nghệ thông tin	129	129	2,57		Không	Khá

Ấn định danh sách 06 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHẠM TIẾN ĐỘ KHÓA HỌC

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 09.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 11 tháng 01 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	123010112	Phạm Đức Anh	22/03/1990	Nam	Nam Định	ĐLN-CNTT 2A	2012	Công nghệ thông tin	76	76	2,11		Không	Trung bình
2	123010134	Vũ Đức Dũng	10/01/1988	Nam	Nam Định	ĐLN-CNTT 2A	2012	Công nghệ thông tin	76	77	2,16		Không	Trung bình
3	123010088	Nguyễn Anh Tuấn	07/05/1991	Nam	Nam Định	ĐLN-CNTT 2A	2012	Công nghệ thông tin	76	76	2,05		Không	Trung bình
4	1071040004	Đinh Văn Lực	19/03/1991	Nam	Nam Định	ĐS-ĐTĐ 5	2010	Công nghệ tự động	146	146	2,30		Không	Trung bình
5	1041070016	Nguyễn Hữu Thịnh	17/10/1991	Nam	Hà Nam	ĐS-ÔTÔ 5	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	129	129	2,31		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 05 SV

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Khiêm

TS. Trần Văn Khiêm

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG CHẠM TIẾN ĐỘ KHÓA HỌC
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số.09.../QĐ-ĐHSPKTND ngày 11...tháng 01...năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	121310065	Phạm Đức Định	25/10/1994	Nam	Nam Định	CK-ÔTÔ 15	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,18		Không	Trung bình
2	122310057	Trần Khắc Anh	20/06/1993	Nam	Nam Định	CK-CNTT 15	2012	Công nghệ thông tin	97	97	2,04		Không	Trung bình
3	122310082	Hoàng Mai Nam	20/06/1994	Nam	Nam Định	CK-CNTT 15	2012	Công nghệ thông tin	97	97	2,15		Không	Trung bình
4	122310008	Trần Thiện Tâm	22/02/1994	Nam	Quảng Ninh	CK-CNTT 15	2012	Công nghệ thông tin	97	97	2,20		Không	Trung bình
5	122310212	Nguyễn Thị Tho	16/10/1993	Nữ	Thái Bình	CK-CNTT 15	2012	Công nghệ thông tin	97	97	2,82		Không	Khá
6	121310142	Trần Gia Trường	16/11/1994	Nam	Nam Định	CK-CNTT 15	2012	Công nghệ thông tin	97	97	2,52		Không	Khá
7	122310043	Đinh Gia Minh	26/01/1994	Nam	Thái Bình	CK-ĐĐT 15	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	97	97	2,15		Không	Trung bình
8	122310053	Vũ Thanh Tùng	20/08/1994	Nam	Nam Định	CK-KTĐ 15	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	97	97	2,23		Không	Trung bình
9	122310148	Trần Trọng Tư	18/11/1994	Nam	Hà Nam	CK-KTĐ 15	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	97	97	2,44		Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	122310157	Nguyễn Xuân Trường	18/03/1994	Nam	Nam Định	CK-ĐTĐ 15	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ tự động)	97	97	2,29		Không	Trung bình
11	11GC710047	Trần Xuân Vinh	13/10/1993	Nam	Nam Định	CK-CNTT 14	2011	Công nghệ thông tin	97	97	2,04		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 11 SV



HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Văn Khiêm

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHÓA 6
Chưa được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số. 09.../QĐ-ĐHSPKTND ngày 11...tháng 01...năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Ghi chú
1	1171020003	Trần Minh Tiến	03/08/1993	Nam	Nam Định	ĐS-ĐĐT 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	146	144	2,65		Không	
2	1171020004	Hoàng Thị Trang	21/01/1993	Nữ	Nam Định	ĐS-ĐĐT 6	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	146	142	2,89		Không	
3	1171050002	Nguyễn Việt Hùng	04/10/1993	Nam	Nam Định	ĐS-CTM 6	2011	Công nghệ chế tạo máy	146	144	2,74		Không	
4	1171050003	Phạm Thanh Nam	15/12/1991	Nam	Thái Bình	ĐS-CTM 6	2011	Công nghệ chế tạo máy	146	143	2,73		Không	
5	1171090021	Trần Ngọc Tới	28/10/1993	Nam	Nam Định	ĐS-KT 6	2011	Kế toán	146	144	2,42		Không	

Ấn định danh sách 05 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG KHÓA 7

Chưa được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số. 09./QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 11...tháng 01...năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Ghi chú
1	131410013	Trần Thị Hằng	07/01/1992	Nữ	Nam Định	ĐHLT-KT 7	2013	Kế toán	129	127	2,82		Không	

Ấn định danh sách 01 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm